

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ MỚI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 12-10/QĐ-CHCT

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

v/v thành lập Ban chỉ huy công trình

- Căn cứ quyết định số: 206/QĐ-TCCB ngày 25 tháng 9 năm 1995 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ, trực thuộc trường Đại học Mỏ - Địa chất.

- Căn cứ theo Hợp đồng kinh tế số: 1204.1/HĐ-KHVT/2023 ký ngày 12 tháng 10 năm 2023 giữa Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ với Công ty CP Địa chất Việt Bắc - TKV về việc Kiểm tra khối lượng mỏ lộ thiên, than tồn kho, sản phẩm ngoài tiêu chuẩn than tồn năm 2023 tại các đơn vị khai thác than và khảo sát thành lập bổ sung mốc đo vẽ; Đo đạc bản đồ và tính khối lượng than tồn kho năm 2023 - Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin

- Căn cứ vào yêu cầu của công việc

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU 1: Giao nhiệm vụ cho các Ông (Bà) có tên sau đây theo dõi chỉ đạo, giám sát, thi công, nghiệm thu, ký các văn bản kỹ thuật tại hiện trường công trình thi công gói thầu số: 1204.1/HĐ-KHVT/2023 ký ngày 12 tháng 10 năm 2023.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại
1	Lê Đức Tình	Chủ trì công trình	0912296180
2	Tạ Thị Thu Hương	Tổ trưởng	0985311725
3	Nguyễn Hà	Tổ trưởng	0934951368
4	Nguyễn Tuấn Vương	Tổ trưởng	0982610000
5	Phạm Quốc Khánh	Tổ trưởng	0969323389

ĐIỀU 2: Các Ông có tên trong danh sách trên và các phòng Ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi gửi:

- Như điều 2
- Lưu Trung tâm

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ MỚI TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ**


PHÓ GIÁM ĐỐC
TS. Lê Đức Tình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: 1204.1/HĐ-KHVT/2023

Công trình: Kiểm tra khối lượng mỏ lộ thiên, than tồn kho, sản phẩm ngoài tiêu chuẩn than tồn năm 2023 tại các đơn vị khai thác than và Khảo sát, thành lập bổ sung mốc đo vẽ; Đo đạc bản đồ và tính khối lượng than tồn kho năm 2023 - Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin.

Căn cứ vào:

- Bộ Luật Dân sự 91/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ X thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/01/2017.

- Quyết định số 1140/QĐ-VBG, ngày 10/10/2023 của Giám đốc Công ty CP Địa chất Việt Bắc – TKV về việc lựa chọn nhà cung cấp thi công Công trình: Kiểm tra khối lượng mỏ lộ thiên, than tồn kho, sản phẩm ngoài tiêu chuẩn than tồn năm 2023 tại các đơn vị khai thác than và Khảo sát, thành lập bổ sung mốc đo vẽ; Đo đạc bản đồ và tính khối lượng than tồn kho năm 2023 - Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin..

- Chức năng nhiệm vụ của hai bên.

Hôm nay, ngày 12 tháng 10 năm 2023, chúng tôi gồm:

ĐẠI DIỆN BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV.

Đại diện: Ông **Nguyễn Danh Tuyên** – Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : 30B Đoàn Thị Điểm – P. Quốc Tử Giám – Q. Đống Đa – TP. Hà Nội .

Điện thoại : 024-38233786 - Fax: 024.37323.483.

Có tài khoản số: 00211 00 33 6666 Tại Ngân hàng TMCP Quân đội - SGD 3.

115 000 127002 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Hai Bà

Trung

Mã số thuế : 0104944595

ĐẠI DIỆN BÊN B: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI TRẮC ĐỊA – BẢN ĐỒ.

Đại diện: Ông **Lê Đức Tình** – Chức vụ: Phó Giám đốc

Địa chỉ: Tầng 1, nhà A, Trường Đại học Mỏ - Địa chất – 18 Phố Viên - phường Đức Thắng – quận Bắc Từ Liêm – TP. Hà Nội.

Điện thoại: 024.37523819

Fax: 024.37523819

Tài khoản: 3100211000206

Tại : Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, chi nhánh Tứ Liên, Hà Nội

Mã số thuế: 0100811629.

(Theo Nghị quyết số 179/NQ-HĐT ngày 17/11/2022 v/v giao phụ trách Trung tâm)

Sau khi thỏa thuận, hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung công việc.

Công ty Cổ phần Địa Chất Việt Bắc - TKV (Bên A) thuê Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa – Bản đồ (Bên B) thực hiện Công trình: Kiểm tra khối lượng mỏ lộ thiên, than tồn kho, sản phẩm ngoài tiêu chuẩn than tồn năm 2023 tại các đơn vị khai thác than và Khảo sát, thành lập bổ sung mốc đo vẽ; Đo đạc bản đồ và tính

khối lượng than tồn kho năm 2023 – Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin. Khối lượng công việc dự kiến thực hiện cụ thể theo bảng sau:

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Tổng KL
1	2	3	4
A	Kiểm tra khối lượng mở lộ thiên, than tồn kho, sản phẩm ngoài tiêu chuẩn than tồn kho năm 2023 tại các đơn vị khai thác than		
I	Công ty CP than Cọc Sáu - $K_{kv}=0,1$		
1	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/1000 h= 1m - Ngoài trời	Km2	2
2	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/1000 h= 1m - Trong phòng	Km2	2
3	Thành lập mặt cắt tính khối lượng đất đá	10 km	8,5
4	Thành lập bản đồ tỷ lệ 1/500, h= 0,5m	Km2	0,07
5	Thành lập bản đồ tỷ lệ 1/200, h= 0,5m	Km2	0,05
6	Lập mặt cắt tính khối lượng than tồn kho	10 km	2,72
II	Công ty than Nam Mẫu - $K_{kv}=0,3$		
1	Thành lập bản đồ tỷ lệ 1/200, h= 0,5m	Km2	0,1
III	Công ty than Mạo Khê - $K_{kv}=0,1$		
1	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/1000 h= 1m - Ngoài trời	Km2	0,13
2	Thành lập bản đồ tỷ lệ 1/200, h= 0,5m	Km2	0,05
IV	Công ty than Khánh Hòa - $K_{kv}=0,0$		
1	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/1000 h= 1m - Ngoài trời	Km2	0,7
2	Thành lập bản đồ tỷ lệ 1/500, h= 0,5m	Km2	0,06
3	Thành lập bản đồ tỷ lệ 1/200, h= 0,5m	Km2	0,03
V	Công ty than Núi Hồng - $K_{kv}=0,2$		
1	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/1000 h= 1m - Ngoài trời	Km2	0,2
2	Thành lập bản đồ tỷ lệ 1/500, h= 0,5m	Km2	0,09
3	Thành lập bản đồ tỷ lệ 1/200, h= 0,5m	Km2	0,03
B	Thành lập bổ sung mốc đo vẽ, đo vẽ bản đồ và tính khối lượng than tồn kho năm 2023 - Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin		
1	Thành lập lưới đường chuyên cấp 2	Điểm	12
2	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/200, bình đồ: 0,5m	Ha	21,55

Điều 2: Thành phần hợp đồng:

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

a. Hợp đồng;

- b. Biên bản thương thảo hợp đồng;
- c. Quyết định phê duyệt lựa chọn nhà cung cấp;
- d. Thư chào giá của nhà cung cấp;
- e. Bản yêu cầu báo giá;
- f. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3: Yêu cầu kỹ thuật và sản phẩm của hợp đồng:

3.1. Yêu cầu kỹ thuật:

Kỹ thuật thi công, thực hiện đúng theo yêu cầu của bên A và đảm bảo chất lượng theo phương án đã được Chủ đầu tư phê duyệt.

3.2. Sản phẩm của hợp đồng là: Số liệu đo đạc, file bản đồ mặt cắt tính khối lượng của từng khai trường mỏ, của từng kho than.

Số lượng: 01 bộ.

Điều 4: Địa điểm thi công và tiến độ thực hiện hợp đồng.

- Địa điểm thi công: Tại các mỏ than của Công ty than Cọc Sáu, Nam Mẫu, Mạo Khê, Khánh Hòa, Núi Hồng và kho than của Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin.

- Thời gian khởi công: Ngay sau khi ký kết hợp đồng.

- Thời gian hoàn thành:

+ Kiểm tra khối lượng mỏ lộ thiên, than tồn kho, sản phẩm ngoài tiêu chuẩn than tồn năm 2023 tại các đơn vị khai thác than: Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến trước ngày 20/03/2024.

+ Công ty Tuyển than Hòn Gai – Vinacomin: Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày 30/12/2023.

Điều 5: Trách nhiệm của mỗi bên.

Trách nhiệm bên A.

- Cung cấp những tài liệu cơ sở cho bên B.

- Cử cán bộ kỹ thuật theo dõi giám sát và nghiệm thu cho bên B.

- Thanh toán tiền cho bên B khi có nghiệm thu khối lượng hoàn thành, và thanh lý hợp đồng.

Trách nhiệm bên B:

- Giao cho bên A số liệu đo đạc và các giấy tờ có liên quan Số lượng tài liệu theo yêu cầu của bên A.

- Chất lượng công trình đảm bảo kỹ thuật, được Chủ đầu tư nghiệm thu, thanh toán và theo yêu cầu kỹ thuật của bên A.

- Chịu trách nhiệm về kết quả đo đạc trước pháp luật của Nước Việt Nam

Điều 6: Giá trị hợp đồng và thể thức thanh toán:

6.1/ Đơn giá và giá trị hợp đồng:

Đơn giá, giá trị hợp đồng (Dự kiến) theo từng loại công việc cụ thể như trong bảng sau:

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Tổng KL	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
1	2	3	4	5	6
A	Kiểm tra khối lượng mỏ lộ thiên, than tồn kho, sản phẩm ngoài tiêu chuẩn than tồn kho năm 2023 tại các đơn vị khai thác than				
I	Công ty CP than Cọc Sáu - $K_{kv}=0,1$				
1	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/1000 h= 1m - Ngoài trời	Km2	2	290.623.319	581.246.63

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Tổng KL	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
1	2	3	4	5	6
2	Đo vẽ BDDH tỷ lệ 1/1000 h= 1m - Trong phòng	Km2	2	36.138.889	72.277.77
3	Thành lập mặt cắt tính khối lượng đất đá	10 km	8,5	16.700.587	141.954.99
4	Thành lập bản đồ tỷ lệ 1/500, h= 0,5m	Km2	0,07	320.770.075	22.453.90
5	Thành lập bản đồ tỷ lệ 1/200, h= 0,5m	Km2	0,05	916.875.356	45.843.76
6	Lập mặt cắt tính khối lượng than tồn kho	10 km	2,72	16.780.064	45.641.77
II	Công ty than Nam Mẫu - K_{kv}=0,3				
1	Thành lập bản đồ tỷ lệ 1/200, h= 0,5m	Km2	0,1	970.921.631	97.092.16
III	Công ty than Mạo Khê - K_{kv}=0,1				
1	Đo vẽ BDDH tỷ lệ 1/1000 h= 1m - Ngoài trời	Km2	0,13	290.623.319	37.781.03
2	Thành lập bản đồ tỷ lệ 1/200, h= 0,5m	Km2	0,05	916.875.356	45.843.76
IV	Công ty than Khánh Hòa - K_{kv}=0,0				
1	Đo vẽ BDDH tỷ lệ 1/1000 h= 1m - Ngoài trời	Km2	0,7	281.245.050	196.871.53
2	Thành lập bản đồ tỷ lệ 1/500, h= 0,5m	Km2	0,06	316.161.629	18.969.69
3	Thành lập bản đồ tỷ lệ 1/200, h= 0,5m	Km2	0,03	912.883.800	27.386.51
V	Công ty than Núi Hồng - K_{kv}=0,2				
1	Đo vẽ BDDH tỷ lệ 1/1000 h= 1m - Ngoài trời	Km2	0,2	300.133.831	60.026.76
2	Thành lập bản đồ tỷ lệ 1/500, h= 0,5m	Km2	0,09	331.499.237	29.834.93
3	Thành lập bản đồ tỷ lệ 1/200, h= 0,5m	Km2	0,03	953.750.362	28.612.51
B	Thành lập bổ sung mốc đo vẽ, đo vẽ bản đồ và tính khối lượng than tồn kho năm 2023 - Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin				
1	Thành lập lưới đường chuyển cấp 2	Điểm	12	2.124.100	25.489.20
2	Đo vẽ BDDH tỷ lệ 1/200, bình đồ: 0,5m	Ha	21,55	9.128.838	196.726.45
	Giá trị trước thuế				1.674.053.42
	Thuế GTGT 8%				133.924.27
	Giá trị sau thuế				1.807.977.70

Giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT 8%): **1.807.977.703 (đ)**

Bằng chữ: Một tỷ, tám trăm linh bảy triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn, bảy trăm linh ba đồng.

6.2. Nghiệm thu, thanh toán.

6.2.1 Nghiệm thu:

- Sau khi các công việc nội nghiệp của công trình trên thực hiện xong hai bên tiến hành nghiệm thu.

6.2.2 Thanh toán:

- Tạm ứng: Không

- Bên A sẽ thanh toán cho bên B căn cứ vào khối lượng thi công thực tế được nghiệm thu.

- Trong trường hợp khối lượng công việc thi công theo điều 1 của hợp đồng có thay đổi (*tăng hoặc giảm*) hoặc khi Nhà nước thay đổi chính sách thuế thì giá trị của hợp đồng cũng thay đổi (*tăng hoặc giảm*) theo tỉ lệ tương ứng.

- Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản sau khi có biên bản nghiệm thu, biên bản thanh lý hợp đồng được ký giữa hai bên (A và B).

- Thời gian thanh toán: Chậm nhất sau 30 ngày khi bên A nhận được tiền thanh toán của chủ đầu tư và nhận được hóa đơn VAT của bên B theo luật định Bên A sẽ thanh toán cho bên B 100% giá trị thực hiện hợp đồng.

Điều 7: Hình thức hợp đồng, đồng tiền thanh toán:

- Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Điều chỉnh khối lượng hợp đồng

a) Những khối lượng công việc tăng do lỗi chủ quan của Nhà cung cấp gây ra thì không được phép điều chỉnh;

b) Đối với những khối lượng công việc trong bảng giá hợp đồng mà thực tế thực hiện thay đổi so với khối lượng quy định ban đầu thì áp dụng đơn giá của công việc tương ứng trong phụ lục biểu giá chi tiết của hợp đồng.

c) Đối với những khối lượng công việc phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng mà trong hợp đồng không có đơn giá để áp dụng thanh toán thì hai bên thỏa thuận đơn giá thanh toán.

2. Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng do một trong những lý do sau:

a) Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;

b) Thay đổi phạm vi công việc, thay đổi biện pháp thi công do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;

Điều 9: Rủi ro và bất khả kháng:

9.1. Rủi ro và bất khả kháng.

a/ Rủi ro là nguy cơ có ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng.

b/ Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro không thể chống đỡ nổi khi nó xảy ra và không thể lường trước khi ký kết hợp đồng như: động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất hay hoạt động núi lửa, chiến tranh, dịch bệnh.

c/ Khi một bên bị rơi vào tình trạng bất khả kháng, thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất có thể.

9.2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên chịu ảnh hưởng sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

a/ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng.

b/ Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

c/ Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ trong hợp đồng của mình.

Điều 10: Tạm dừng, hủy bỏ, chấm dứt hợp đồng.

10.1. Tạm dừng thực hiện hợp đồng.

- Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng.

+ Do lỗi của bên A hoặc B gây ra.

+ Các trường hợp bất khả kháng.

+ Các trường hợp khác do hai bên thỏa thuận.

Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi bên kia gây ra, nhưng phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết; Trường hợp một bên tạm dừng mà không thông báo gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên bị thiệt hại.

Thời gian và mức độ thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thỏa thuận để khắc phục.

10.2. Hủy bỏ hợp đồng

Một bên có quyền hủy bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.

Bên hủy hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết việc hủy bỏ, nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên hủy bỏ hợp đồng phải bồi thường.

Khi hợp đồng bị hủy bỏ, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị hủy bỏ và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền.

10.3. Chấm dứt hợp đồng

a) Điều kiện để bên A chấm dứt hợp đồng.

Bên B bỏ dở công trình hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng.

Bên B không có lý do chính đáng mà ngừng hoạt động 15 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

Bên B bị phá sản, vỡ nợ vi phạm pháp luật.

b) Điều kiện để bên B chấm dứt hợp đồng: Bên A bị phá sản, vi phạm pháp luật.

Điều 11: Thưởng, phạt vi phạm hợp đồng

11.1. Thưởng phạt hợp đồng: Hợp đồng không áp dụng hình thức thưởng.

11.2. Phạt hợp đồng do chậm tiến độ: Hết thời hạn thi công mà bên B chưa hoàn thành khối lượng Hợp đồng thì phải chịu phạt chậm tiến độ: Chậm ≤ 1 tuần, phạt 0,5% giá trị phần hợp đồng bị chậm; Chậm từ tuần thứ hai trở đi, mức phạt là 1% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm nhưng tổng mức phạt không quá 5% giá trị phần hợp đồng bị chậm.

Các khối lượng chậm tiến độ vì lý do bất khả kháng hoặc theo yêu cầu của Bên A và Chủ đầu tư thì bên B không phải chịu phạt chậm tiến độ.

Điều 12: Điều khoản chung.

Hai bên cam kết thống nhất thực hiện đúng các điều khoản ghi trong hợp đồng. Bên nào vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế. Trong quá trình thực hiện có vướng mắc hai bên chủ động thương lượng giải quyết. Nếu vì lý do gì thay đổi yêu cầu đã ghi trong hợp đồng thì bên A phải thanh toán cho bên B những phần việc đã hoàn thành. Hai bên sẽ ký phụ lục cho phần thay đổi yêu cầu đã ghi trong hợp đồng. Nếu tranh chấp không giải quyết được bằng thương lượng thì hai bên

sẽ trình lên Tòa án để giải quyết. Quyết định của Tòa án sẽ quyết định cuối cùng và buộc hai bên phải thi hành. Bên thua kiện phải chịu mọi chi phí cho việc tranh kiện.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký, hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định mà không có phát sinh tranh chấp.

Hợp đồng được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Danh Tuyên

ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Đức Tĩnh

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ HOÀN THÀNH

Công trình: Kiểm tra khối lượng mỏ lộ thiên, than tồn kho, sản phẩm ngoài tiêu chuẩn than tồn năm 2023 tại các đơn vị khai thác than và Khảo sát, thành lập bổ sung mốc đo vẽ; Đo đạc bản đồ và tính khối lượng than tồn kho năm 2023 - Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin.

Thời gian: Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Địa Điểm: Tại văn phòng Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV.

I. THÀNH PHẦN:

1. BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC – TKV.

Ông: Hồ Mạnh Cường

Chức vụ: Phó Giám đốc

Ông: Đinh Ngọc Thân

Chức vụ: TP. KTTĐ

Bà: Trần Thị Kim Thanh

Chức vụ: TP. KHVT

2. BÊN B: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ.

Ông: Lê Đức Tình

Chức vụ: Phó Giám đốc

Ông: Phạm Trung Dũng

Chức vụ: CB Kỹ thuật

II. NỘI DUNG.

1/ Cơ sở nghiệm thu.

Căn cứ hợp đồng số: 1204.1/HĐ-KHVT/2023 ngày 12/10/2023 về việc: Công ty Cổ phần Địa Chất Việt Bắc - TKV (Bên A) thuê Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa – Bản đồ (Bên B) thực hiện: Kiểm tra khối lượng mỏ lộ thiên, than tồn kho, sản phẩm ngoài tiêu chuẩn than tồn năm 2023 tại các đơn vị khai thác than và Khảo sát, thành lập bổ sung mốc đo vẽ; Đo đạc bản đồ và tính khối lượng than tồn kho năm 2023 Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin;

Căn cứ Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/200, 1/500, 1/1000, 1/2000, 1/5000 do Cục đo đạc bản đồ Nhà nước ban hành năm 1991. Quyết định số 2485/QĐ-BKHCN ngày 24/9/2015 về việc ban hành TCVN 10673:2015 - Trắc địa mỏ;

Căn cứ phiếu giao tài liệu ngày 30/12/2023 và phiếu giao tài liệu ngày 18/3/2024 giữa hai đơn vị.

2. Kết quả nghiệm thu:

Sau khi kiểm tra các số liệu, kết quả do bên B cung cấp và quá trình theo dõi thi công công trình, chúng tôi thống nhất nghiệm thu xác nhận khối lượng, chất lượng công việc Kiểm tra khối lượng mỏ lộ thiên, than tồn kho, sản phẩm ngoài tiêu chuẩn than tồn năm 2023 tại các đơn vị khai thác than và Khảo sát, thành lập bổ sung mốc đo vẽ; Đo đạc bản đồ và tính khối lượng than tồn kho năm 2023 Công ty Tuyển than Hòn Gai – Vinacomin như sau.

2.1. Khối lượng hoàn thành.

Khối lượng công việc hoàn thành như trong bảng sau:

TT	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng Hợp đồng	Khối lượng nghiệm thu thực hiện	Chênh lệch
I	Kiểm tra khối lượng mỏ lộ thiên, than tồn kho, sản phẩm ngoài tiêu chuẩn than tồn năm 2023 tại các đơn vị khai thác than.				
1	Công ty CP than Cọc Sáu - Kkv=0,1				

-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/1000, h= 1m- ngoài trời	km2	2,00	2,045	0,045
-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/1000, h= 1m- trong phòng	km2	2,00	2,045	0,045
-	Thành lập mặt cắt tính khối lượng đất đá	10km	8,50	5,273	-3,227
-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/500, h= 0,5m	km2	0,070	0,089	0,019
-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/200, h=0,5m	km2	0,050	0,023	-0,018
-	Thành lập mặt cắt tính khối lượng	10km	2,720	1,052	-1,668
2	Công ty than Nam Mẫu - Kkv=0,3				
	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/200, h=0,5m	km2	0,100	0,09	-0,010
3	Công ty than Mạo Khê - Kkv=0,1				
-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/1000, h= 1m- ngoài trời	km2	0,130	0,102	-0,028
	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/200, h=0,5m	km2	0,050	0,077	0,027
4	Công ty than Khánh Hòa - Kkv=0,0				
	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/1000, h= 1m- ngoài trời	km2	0,700	0,87	0,170
-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/500, h= 0,5m	km2	0,060	0,094	0,034
-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/200, h=0,5m	km2	0,030	0,033	0
5	Công ty than Núi Hồng- Kkv=0,2				
	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/1000, h= 1m- ngoài trời	km2	0,200	0,201	0,001
-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/500, h= 0,5m	km2	0,090	0,113	0,023
-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/200, h=0,5m	km2	0,030	0,036	0,006
II	Đo than tồn Công ty Tuyển than Hòn Gai				
-	Đo vẽ BĐĐH, tỷ lệ 1/200, bình độ 0.5m	Ha	21,550	21,55	0
-	Thành lập lưới đường chuyên cấp 2	Điểm	12	12	0

Bên B đã thi công công trình đảm bảo tiến độ chất lượng theo yêu cầu của bên A và nội dung hợp đồng đã ký.

2.2. Giá trị thực hiện

- Giá trị theo HĐ số 1204.1/HĐ-KHVT/2023 ngày 12/10/2023 là: **1.807.977.703** đồng (đã bao gồm 8% thuế VAT).

- Giá trị thực hiện được áp đơn giá của hợp đồng số: 1204.1/HĐ-KHVT/2023 ngày 12/10/2023 để tính toán, chi tiết như trong bảng sau:

TT	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng nghiệm thu	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
I	Kiểm tra khối lượng mỏ lộ thiên, than tồn kho, sản phẩm ngoài tiêu chuẩn than tồn năm 2023 tại các đơn vị khai thác than				
1	Công ty CP than Cọc Sáu - Kkv=0,1				
-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/1000, h= 1m- ngoài trời	km2	2,045	290.623.319	594.324.687
-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/1000, h= 1m- trong phòng	km2	2,045	36.138.889	73.904.028
-	Thành lập mặt cắt tính khối lượng đất đá	10km	5,273	16.700.587	88.062.195
-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/500, h= 0,5m	km2	0,089	320.770.075	28.548.537
-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/200, h=0,5m	km2	0,023	916.875.356	21.088.133

-	Thành lập mặt cắt tính khối lượng	10km	1,052	16.780.064	17.652.627
2	Công ty than Nam Mẫu - Kkv=0,3				
	Đo vẽ BDDH tỷ lệ 1/200, h=0,5m	km2	0,09	970.921.631	87.382.947
3	Công ty than Mạo Khê - Kkv=0,1				
-	Đo vẽ BDDH tỷ lệ 1/1000, h= 1m-ngoài trời	km2	0,102	290.623.319	29.643.579
	Đo vẽ BDDH tỷ lệ 1/200, h=0,5m	km2	0,077	916.875.356	70.599.402
4	Công ty than Khánh Hòa - Kkv=0,0				
	Đo vẽ BDDH tỷ lệ 1/1000, h= 1m-ngoài trời	km2	0,87	281.245.050	244.683.194
-	Đo vẽ BDDH tỷ lệ 1/500, h= 0,5m	km2	0,094	316.161.629	29.719.193
-	Đo vẽ BDDH tỷ lệ 1/200, h=0,5m	km2	0,033	912.883.800	30.125.165
5	Công ty than Núi Hồng- Kkv=0,2				
	Đo vẽ BDDH tỷ lệ 1/1000, h= 1m-ngoài trời	km2	0,201	300.133.831	60.326.900
-	Đo vẽ BDDH tỷ lệ 1/500, h= 0,5m	km2	0,113	331.499.237	37.459.414
-	Đo vẽ BDDH tỷ lệ 1/200, h=0,5m	km2	0,036	953.750.362	34.335.013
II	Đo than tồn Công ty Tuyển than Hòn Gai				
-	Đo vẽ BDDH, tỷ lệ 1/200, bình độ 0.5m	Ha	21,55	9.128.838	196.726.459
-	Thành lập lưới đường chuyên cấp 2	Điểm	12	2.124.100	25.489.200
III	Giá trị thực hiện trước thuế				1.670.070.673
	Thuế GTGT (VAT=8%)				133.605.654
IV	Giá trị thực hiện sau thuế				1.803.676.327

Bằng chữ: Một tỷ, tám trăm linh ba triệu, sáu trăm bảy mươi sáu nghìn, ba trăm hai mươi bảy đồng.

- Giá trị đã thanh toán đến ngày 31/12/2023 là: **1.635.499.852** đồng.
- Giá trị còn lại thanh toán là: **168.176.475** đồng (Đã bao gồm 8% thuế VAT).

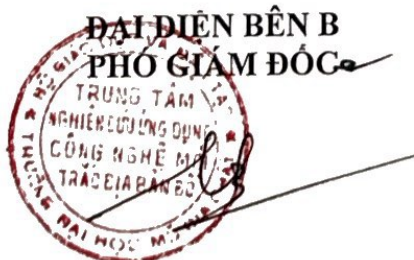
3. Các ý kiến khác

Khối lượng thực hiện công trình có hạng mục tăng, có hạng mục giảm so với hợp đồng đã ký nhưng giá trị công trình được thanh toán theo khối lượng nghiệm thu áp đơn giá của hợp đồng số: 1204.1/HĐ-KHVT/2023 ngày 12/10/2023 nhỏ hơn giá trị hợp đồng đã ký. Hai bên thống nhất nghiệm thu khối lượng và giá trị hoàn thành công trình.

III. KẾT LUẬN

Bên A đồng ý nghiệm thu công trình cho bên B với các nội dung trên.

Biên bản được lập thành 06 bản mỗi bên giữ 03 bản để làm cơ sở thực hiện các nội dung tiếp theo của hợp đồng.



Lê Đức Tình



Hồ Mạnh Cường

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN QUYẾT TOÁN VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG
(Hợp đồng số: 1204.1/HĐ-KHVT/2023 ngày 12/10/2023)

Công trình: Kiểm tra khối lượng mỏ lộ thiên, than tồn kho, sản phẩm ngoài tiêu chuẩn than tồn năm 2023 tại các đơn vị khai thác than và Khảo sát, thành lập bổ sung mốc đo vẽ; Đo đạc bản đồ và tính khối lượng than tồn kho năm 2023 - Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomín.

Căn cứ hợp đồng số: 1204.1/HĐ-KHVT/2023 ngày 12/10/2023 về việc: Công ty Cổ phần Địa Chất Việt Bắc - TKV (Bên A) thuê Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ (Bên B) thực hiện: Kiểm tra khối lượng mỏ lộ thiên, than tồn kho, sản phẩm ngoài tiêu chuẩn than tồn năm 2023 tại các đơn vị khai thác than và Khảo sát, thành lập bổ sung mốc đo vẽ; Đo đạc bản đồ và tính khối lượng than tồn kho năm 2023 Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomín;

Căn cứ biên bản nghiệm thu khối lượng và giá trị hoàn thành công trình: Kiểm tra khối lượng mỏ lộ thiên, than tồn kho, sản phẩm ngoài tiêu chuẩn than tồn năm 2023 tại các đơn vị khai thác than và Khảo sát, thành lập bổ sung mốc đo vẽ; Đo đạc bản đồ và tính khối lượng than tồn kho năm 2023 Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomín được ký giữa công ty cổ phần Địa Chất Việt Bắc - TKV và Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ ngày 29/3/2024.

Hôm nay, ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Công ty cổ phần Địa Chất Việt Bắc - TKV chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV.

Địa chỉ : Số 30B- Đường Đoàn Thị Điểm - Phường Quốc Tử Giám - Quận Đống Đa - TP. Hà Nội

Điện thoại : 0243 8233 786

Fax: 0243 7323 483

Tài khoản : 00211 00 33 6666

Tại : Ngân hàng thương mại CP Quân đội Chi nhánh SGD 3.

Mã số thuế: 0104944595

Đại diện : Ông Nguyễn Danh Tuyên Chức vụ: Giám đốc

BÊN B: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ.

Địa chỉ: Tầng 1, nhà A, Trường Đại học Mỏ Địa chất - Phố Viên - Đức Thắng - Bắc Từ Liêm - Hà Nội.

Điện thoại: 024.37523819

Fax: 024.37523819

Tài khoản: 3100211000206

Tại : Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, CN Từ Liêm, Hà Nội

Mã số thuế: 0100811629.

Đại diện: Ông Lê Đức Tình

Chức vụ: Phó Giám đốc

Hai bên thống nhất ký biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng số: 1204.1/HĐ-KHVT/2023 ngày 12/10/2023 với nội dung sau:

I – Khối lượng thực hiện

Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa – Bản đồ (Bên B) đã thi công cho Công ty Cổ phần Địa Chất Việt Bắc – TKV (Bên A) công việc: Kiểm tra khối lượng mỏ lộ thiên, than tồn kho, sản phẩm ngoài tiêu chuẩn than tồn năm 2023 tại các đơn vị khai thác than và Khảo sát, thành lập bổ sung mốc đo vẽ; Đo đạc bản đồ và tính khối lượng than tồn kho năm 2023 Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin. Khối lượng thực hiện cụ thể như trong bảng sau:

TT	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng nghiệm thu
I	Kiểm tra khối lượng mỏ lộ thiên, than tồn kho, sản phẩm ngoài tiêu chuẩn than tồn năm 2023 tại các đơn vị khai thác than		
1	Công ty CP than Cọc Sáu - Kkv=0,1		
-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/1000, h= 1m- ngoài trời	km2	2,045
-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/1000, h= 1m- trong phòng	km2	2,045
-	Thành lập mặt cắt tính khối lượng đất đá	10km	5,273
-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/500, h= 0,5m	km2	0,089
-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/200, h=0,5m	km2	0,023
-	Thành lập mặt cắt tính khối lượng	10km	1,052
2	Công ty than Nam Mẫu - Kkv=0,3		
	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/200, h=0,5m	km2	0,09
3	Công ty than Mạo Khê - Kkv=0,1		
-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/1000, h= 1m- ngoài trời	km2	0,102
	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/200, h=0,5m	km2	0,077
4	Công ty than Khánh Hòa - Kkv=0,0		
	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/1000, h= 1m- ngoài trời	km2	0,87
-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/500, h= 0,5m	km2	0,094
-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/200, h=0,5m	km2	0,033
5	Công ty than Núi Hồng- Kkv=0,2		
	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/1000, h= 1m- ngoài trời	km2	0,201
-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/500, h= 0,5m	km2	0,113
-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/200, h=0,5m	km2	0,036
II	Đo than tồn Công ty Tuyển than Hòn Gai		
-	Đo vẽ BĐĐH, tỷ lệ 1/200, bình độ 0.5m	Ha	21,55
-	Thành lập lưới đường chuyền cấp 2	Điểm	12

Chất lượng công việc: Đảm bảo kỹ thuật theo yêu cầu của bên A, đúng tiến độ như hợp đồng đã ký. (Có biên bản nghiệm thu khối lượng và giá trị hoàn thành kèm theo).

II - Giá trị quyết toán thanh lý hợp đồng:

Giá trị quyết toán thanh lý hợp đồng được áp đơn giá tại hợp đồng số 1204.1/HĐ-KHVT/2023 ngày 12/10/2023 tương ứng khối lượng công việc thực hiện, cụ thể như bảng sau:

TT	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng nghiệm thu	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
I	Kiểm tra khối lượng mỏ lộ thiên, than tồn kho, sản phẩm ngoài tiêu chuẩn than tồn năm 2023 tại các đơn vị khai thác than				
1	Công ty CP than Cọc Sáu - Kkv=0,1				

-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/1000, h= 1m- ngoài trời	km2	2,045	290.623.319	594.324.687
-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/1000, h= 1m- trong phòng	km2	2,045	36.138.889	73.904.028
-	Thành lập mặt cắt tính khối lượng đất đá	10km	5,273	16.700.587	88.062.195
-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/500, h= 0,5m	km2	0,089	320.770.075	28.548.537
-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/200, h=0,5m	km2	0,023	916.875.356	21.088.133
-	Thành lập mặt cắt tính khối lượng	10km	1,052	16.780.064	17.652.627
2	Công ty than Nam Mẫu - Kkv=0,3				
	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/200, h=0,5m	km2	0,09	970.921.631	87.382.947
3	Công ty than Mạo Khê - Kkv=0,1				
-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/1000, h= 1m- ngoài trời	km2	0,102	290.623.319	29.643.579
	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/200, h=0,5m	km2	0,077	916.875.356	70.599.402
4	Công ty than Khánh Hòa - Kkv=0,0				
	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/1000, h= 1m- ngoài trời	km2	0,87	281.245.050	244.683.194
-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/500, h= 0,5m	km2	0,094	316.161.629	29.719.193
-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/200, h=0,5m	km2	0,033	912.883.800	30.125.165
5	Công ty than Núi Hồng- Kkv=0,2				
	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/1000, h= 1m- ngoài trời	km2	0,201	300.133.831	60.326.900
-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/500, h= 0,5m	km2	0,113	331.499.237	37.459.414
-	Đo vẽ BĐĐH tỷ lệ 1/200, h=0,5m	km2	0,036	953.750.362	34.335.013
II	Đo than tồn Công ty Tuyển than Hòn Gai				
-	Đo vẽ BĐĐH, tỷ lệ 1/200, bình độ 0.5m	Ha	21,55	9.128.838	196.726.459
-	Thành lập lưới đường chuyên cấp 2	Điểm	12	2.124.100	25.489.200
III	Giá trị thực hiện trước thuế				1.670.070.673
	Thuế GTGT (VAT=8%)				133.605.654
IV	Giá trị thực hiện sau thuế				1.803.676.327

Bằng chữ: Một tỷ, tám trăm linh ba triệu, sáu trăm bảy mươi sáu nghìn, ba trăm hai mươi bảy đồng.

Giá trị quyết toán thanh lý hợp đồng là: **1.803.676.327** đồng (Đã bao gồm VAT).

Giá trị bên A đã thanh toán cho bên B đến ngày 31/12/2023: **1.635.499.852** đồng.

Giá trị bên A còn phải thanh toán cho bên B: **168.176.475** đồng (Đã bao gồm VAT).

Bên A có trách nhiệm thanh toán số tiền trên cho bên B số tiền trên.

Biên bản được lập thành 06 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN B

Phó Giám đốc



Lê Đức Tình

ĐẠI DIỆN BÊN A

Giám đốc



Nguyễn Danh Tuyên